

Bản án số: 393/2022/HS-ST
Ngày 27-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Thúy Lan;
- Ông Hồ Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 358/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh năm 1992 tại thành phố Cần Thơ; thường trú: Ấp Th H, xã Th Ph, huyện C Đ, thành phố Cần Thơ; tạm trú: Số 14/2 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Thanh S, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1957; bị cáo có 02 anh chị ruột, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985, có 01 con ruột, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2022 đến ngày 08/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; thường trú: Số 14/2 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh Tuấn: Ông Trần Quang T – Luật sư Văn phòng Luật sư Qu T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Trần Thanh T là con rể của bà Nguyễn Thị H. T cùng vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ L sống cùng bà H tại địa chỉ số 14/2 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 07 giờ ngày 18/9/2022, T đi từ khu bếp lên nhà trên thì nhìn thấy bà H đang mở đóng bìa giấy carton để ở góc nhà bên trái để cất tiền vào bên trong. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 20/9/2022, bà H đi ra ngoài, chị L đi bán hàng, chỉ có T ở nhà. Lúc này, T đến chỗ đóng bìa giấy carton được để lên trên 02 cái thau bằng nhựa để lục tìm tài sản thì phát hiện bên trong có 01 túi nilon màu đen có 03 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, mỗi xấp là 50.000.000 đồng, tổng số tiền là 150.000.000 đồng. T lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi quần T đang mặc rồi ra đường đón xe ô tô chở khách đi về quê tại ấp Th H, xã Th Ph, huyện C Đ, thành phố Cần Thơ. Khi về đến thành phố Cần Thơ, T ghé vào nhà cậu S (là anh ruột của mẹ T) chơi và vào nhà vệ sinh đếm số tiền chiếm đoạt được là 150.000.000 đồng. Sau đó, T đi đến nhà các bạn ở khu vực huyện C Đ, thành phố Cần Thơ để chơi. Đến ngày 26/9/2022 thì quay lại nhà cậu S chơi, tại đây T nghe tin bà H trình báo sự việc cho Công an nên ngày 27/9/2022 nên T đón xe khách trở về nhà bà H và trả lại toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng cho bà H. Đến ngày 29/9/2022, Trần Thanh T đến Công an phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương đầu thú toàn bộ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số: 385/CT – VKS-DA ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án, bị cáo đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H, bị hại H không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Trần Quang Tâm tranh luận:*

Thông nhất tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội làm ăn nuôi dưỡng con nhỏ.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 07 ngày 20/9/2022, tại địa chỉ số 14/2 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, Trần Thanh T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 150.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại 150.000.0000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 385/CT-VKS-DA ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và là người lao động.

[8] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mục đích động cơ động cơ phạm tội là muốn có tiền để kinh doanh làm ăn, đồng thời trong gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Vì vậy, việc không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương, nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú. Đồng thời do áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo nên cần hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 126/2022/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án, bị cáo đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H, bị hại H không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên không cơ sở chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số

02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 126/2022/HSST-LCĐKNCT ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA